

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 5 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lý
- Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc- Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Th**, sinh năm 1947; Địa chỉ: Ấp Đ, xã Th2, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1954; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Ngọc H**, sinh năm 1957 và ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1950; Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Th2, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Châu Ngọc Th1**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Đ, xã Th2, huyện T, tỉnh Long An.

Bà N có mặt; bà H, ông C và bà Th1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Đoàn Thị Th: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị Th do bà Nguyễn Thị Thanh N đại diện theo ủy quyền xác định khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 100.000.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật tính từ ngày 15/9/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng ý trừ 8.000.000đồng tiền lãi đã trả, số tiền lãi yêu cầu là 18.560.000đồng.

Đề nghị của bị đơn – bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C: Bà H và ông C đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng bà H và ông C vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản đề nghị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Châu Ngọc Th1: Đề nghị bà H và ông C trả tiền cho bà Th. Do số tiền theo giấy vay tiền ngày 15/9/2020 là của bà Th.

Ý kiến của người làm chứng – bà Lê Thị Thùy L: Bà H có nợ tiền bà Th, bà L có đến đòi tiền bà H khoảng 3 lần vào tháng 3, tháng 4 và tháng 6 năm 2021, bà Th có rủ bà L đi cùng.

Các tình tiết của vụ án:

Nguyên đơn – bà Đoàn Thị Th do bà Nguyễn Thị Thanh N đại diện theo ủy quyền trình bày: Vào ngày 15/9/2020, bà H có hỏi vay bà Th số tiền 100.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có làm giấy vay tiền viết tay thỏa thuận về mức lãi suất là 2.5%/tháng và có thỏa thuận miệng về thời hạn vay là 12 tháng. Do bà Th không biết chữ cho nên giấy vay tiền do chính tay bà H viết và bà Th có nhờ con gái là bà Châu Ngọc Th1 ký tên với tư cách người cho vay thay bà, nhưng thực chất số tiền của bà Th chứ không phải của bà Th1. Sau khi nhận tiền vay thì bà H có trả cho bà Th tiền lãi là 8.000.000 đồng và ngưng không trả lãi cho đến nay. Bà Th đã yêu cầu bà H trả số tiền đã vay nhưng bà H vẫn không trả. Đối với số tiền lãi này, bà H và ông C không có ý kiến và tranh chấp gì đối với số tiền lãi này.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà H và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Th số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 16/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C vắng mặt, không trình bày ý kiến.

Bà Th1 vắng mặt có văn bản trình bày: Số tiền 100.000.000đồng trong giấy vay tiền ngày 15/9/2020 là của bà Đoàn Thị Th cho bà Võ Thị Ngọc H vay. Bà H tự viết giấy nợ và đưa cho bà Th giữ để làm tin. Do bà Th không biết chữ nên bà Th1 ký tên dưới chữ “người cho vay” thay cho bà Th.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp như tại biên bản phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466, 468, 469, 357, 288 của Bộ luật Dân sự và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà H, ông C, bà Th1: Bà Th1 có đề nghị được giải quyết vắng mặt; bà H, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông C và bà Th1.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Th khởi kiện và cung cấp chứng cứ là giấy vay tiền ngày 15/9/2020, nội dung thể hiện bà Võ Thị Ngọc H vay của bà Đoàn Thị Th số tiền 100.000.000đồng, lãi suất các bên thỏa thuận 2.5%/tháng. Bà N xác định mục đích bà H vay là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn trả là 12 tháng. Bà Th đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H trả tiền nợ nhưng bà H và ông C không thực hiện. Bà Th1 vắng mặt có văn bản ý kiến xác định số tiền bà H vay là của bà Th, bà Th1 chỉ ký tên giùm bà Th, giấy vay tiền là do bà H tự viết và giao cho bà Th giữ.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của bà Th đến nay, bà H và ông C không có thiện chí cũng như biểu hiện thanh toán tiền nợ đã vay cho bà Th. Bà H và ông C vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn về số tiền nợ. Lời trình bày của nguyên phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với bà H và ông C về số tiền nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, bà N xác định yêu cầu mức lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/9/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/5/2023), tính tròn 32 tháng, số tiền lãi yêu cầu là 18.560.000đồng. Mức lãi suất các bên thỏa thuận trong biên nhận vay tiền là cao hơn mức lãi suất quy định pháp luật nên đề nghị của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất theo quy định pháp luật hiện nay là 10%/năm (0.83%/tháng). Thời gian tính lãi từ ngày 15/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/5/2023, nguyên đơn tính tròn 32 tháng nên số tiền lãi là: $100.000.000 \text{ đồng} \times 32 \text{ tháng} \times 0.83\%/\text{tháng} = 26.560.000\text{đồng}$. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý trừ 8.000.000đồng tiền lãi đã nhận. Số tiền lãi bà H và ông C còn phải trả cho bà Th là 18.560.000đồng.

Từ những nhận định trên, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Th đối với bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C. Buộc bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị Th số tiền nợ gốc 100.000.000đồng và 18.560.000đồng tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 118.560.000 đồng.

[5] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[6] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về án phí: Bà Đoàn Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C phải liên đới chịu số tiền 5.928.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 469, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Th đối với bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đoàn Thị Th số tiền gốc 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng) và 18.560.000đồng (mười tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 118.560.000đồng (một trăm mười tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

Bà Võ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn C phải liên đới chịu số tiền 5.928.000đồng (năm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Đoàn Thị Th không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Th số tiền 5.089.000đồng (năm triệu không trăm tám mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011127 ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật